

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 19/3/2025
“V/v L hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Thông và ông Nguyễn Văn Đợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “L hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngọc Văn Th, sinh năm 2000 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn 18B, xã E, huyện B, tỉnh Đắc Lắc.

Bị đơn: Chị Trần Thị Lưu L, sinh năm 2001 - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày: Anh Ngọc Văn Th và chị Trần Thị Lưu L đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND xã E, huyện B, tỉnh Đắc Lắc. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống của hai

người không hợp nhau. Vợ chồng anh chị đã L thân từ năm 2023, kể từ thời gian đó đến nay cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Th được L hôn với chị Trần Thị Lưu L.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Ngọc Văn Th và chị Trần Thị Lưu L có 01 con chung là Ngọc Trần Gia Kh, sinh ngày 27/11/2019. Anh Ngọc Văn Th có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho bị đơn lên làm việc nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Biên bản xác minh ngày 05/03/2025 tại Công an xã Đăk Lao thể hiện: Chị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, tuy nhiên chị L vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc với Tòa án. Do chị L cố tình vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị L phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngọc Văn Th được L hôn với chị Trần Thị Lưu L.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Ngọc Trần Gia Kh, sinh ngày 27/11/2019 cho anh Ngọc Văn Th được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội thì anh Ngọc Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí L hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Ngọc Văn Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết L hôn với chị Trần Thị Lưu L, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đắk Mil nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là “*L hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn không chấp hành tốt, mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa lần thứ nhất. HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngọc Văn Th và chị Trần Thị Lưu L đăng ký kết hôn vào ngày 04/05/2020 tại UBND xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của anh Th và chị L không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên, anh Th và chị L đã sống L thân, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương thôn Đ, xã Đ cho biết, giữa anh Th và chị L có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hiện anh chị đã sống L thân, không sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu L hôn của anh Th là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngọc Trần Gia Kh. Hiện tại anh Th đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh trong thời gian hai vợ chồng sống L thân. Xét thấy, cần tiếp tục giao cháu Ngọc Trần Gia Kh, sinh ngày 27/11/2019 cho anh Ngọc Văn Th được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

Sau khi L hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi L hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Án phí L hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngọc Văn Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngọc Văn Th được L hôn với chị Trần Thị Lưu L.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Ngọc Trần Gia Kh, sinh ngày 27/11/2019 cho anh Ngọc Văn Th được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Kh đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi L hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi L hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Ngọc Văn Th phải nộp toàn bộ án phí L hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Th đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0006007 ngày 03/10/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA huyện Đắk Mil;
- UBND xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bá Luân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Trọng Sơn